

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

S : 90/2008/N -CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2008

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Về chống thư rác**

**CHÍNH PHỦ**

C n c Lu t T ch c Chính ph ngày 25 tháng 12 n m 2001;

C n c Lu t Công ngh thông tin ngày 29 tháng 6 n m 2006;

C n c Lu t Giao d ch i n t ngày 29 tháng 11 n m 2005;

C n c Pháp l nh B u chính Vi n thông ngày 25 tháng 5 n m 2002;

C n c Pháp l nh Qu ng cáo ngày 16 tháng 11 n m 2001;

C n c Pháp l nh X ph t vi ph m hành chính ngày 02 tháng 7 n m 2002;  
Pháp l nh s a i m t s i u c a Pháp l nh X lý vi ph m hành chính ngày 02 tháng 4 n m 2008;

Xét ngh c a B tr ng B Thông tin và Truy n thông,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Ngh nh này quy nh v ch ng th rác; quy n và ngh a v c a c quan, t ch c, cá nhân có liên quan (sau ây g i chung là t ch c, cá nhân).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ngh nh này áp d ng i v i t ch c, cá nhân có liên quan t i d ch v trao i th i n t và tin nh n t i Vi t Nam.

Tr ng h p i u c qu c t liên quan n ho t ng ch ng th rác mà Vi t Nam là thành viên có quy nh khác v i Ngh nh này thì áp d ng quy nh c a i u c qu c t ó.

### Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong phạm vi Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. Thư rác (spam) là thư điện tử, tin nhắn có gửi nhưng người nhận không mong muốn hoặc không có trách nhiệm phải tiếp nhận theo quy định của pháp luật. Thư rác trong Nghị định này bao gồm thư điện tử rác và tin nhắn rác.

2. Thông tin điện tử là thông tin điện tử, có gửi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

3. Cơ sở cung cấp thông tin là hình thức trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền tải, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu.

4. Thư điện tử là thông tin điện tử có gửi nhận theo hình thức thư điện tử thông qua cơ sở cung cấp thông tin.

5. Địa chỉ điện tử là địa chỉ mà người sử dụng có thể nhận hoặc gửi thông tin điện tử thông qua cơ sở cung cấp thông tin.

6. Địa chỉ thư điện tử là địa chỉ sử dụng ghi hoặc nhận thư điện tử, bao gồm tên truy cập mạng sử dụng kết hợp với tên miền Internet.

7. Tin nhắn là thông tin điện tử có gửi nhận theo hình thức tin nhắn hoặc thiết bị có chức năng nhắn tin nhắn.

8. Tiêu đề thư điện tử là phần thông tin có kèm với phần nội dung thư điện tử bao gồm thông tin về nguồn gốc, đích đến, tùy chọn gửi, nhận và những thông tin khác về thư điện tử đó.

9. Chủ đề thư điện tử là một phần của tiêu đề nhằm trích yếu nội dung thư điện tử.

10. Tiêu đề tin nhắn là phần thông tin có kèm với phần nội dung tin nhắn bao gồm những thông tin về nguồn gốc, thời gian gửi tin nhắn.

11. Thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo là thư điện tử, tin nhắn nhằm giới thiệu sản phẩm tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, hoạt động xã hội, hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả dịch vụ có mục đích sinh lợi và dịch vụ không có mục đích sinh lợi.

12. Người quảng cáo là tổ chức, cá nhân có nhu cầu quảng cáo về hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ của mình.

13. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo là tổ chức cung cấp dịch vụ gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo đến người nhận.

14. Mã số quản lý là mã số của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin tức, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet khi chấp thuận hồ sơ đăng ký của internet này.

15. Mã số nhóm là mã số do nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gán cho từng số nhóm. Mã số nhóm có thể bao gồm thông tin về nhóm số nhóm nhằm mục đích phân loại các số nhóm quảng cáo.

16. Ngõ sở hữu chính internet là internet hoặc các phần internet.

#### **Điều 4. Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về chống thư rác**

1. Nội dung quản lý nhà nước về chống thư rác:

a) Xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới việc chống thư rác;

b) Tuyên truyền về ý thức và trách nhiệm phòng, chống thư rác cho người sử dụng và các internet khác;

c) Thanh tra và phổ biến danh sách các nguồn phát tán thư rác;

d) Chỉ đạo, phối hợp các đơn vị có liên quan trong việc xử lý thư rác;

e) Tiếp nhận thông báo, khiếu nại về thư rác;

f) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và cấp mã số quản lý cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin tức, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua Internet;

g) Hợp tác quốc tế về chống thư rác;

h) Nghiên cứu và triển khai các giải pháp chống thư rác;

i) Quản lý thông kê về thư rác;

k) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan thực hiện quản lý nhà nước về chống thư rác.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong các hoạt động chống thư rác.

#### **Điều 5. Phân loại thư rác**

1. Thông tin, tin nhắn vi phạm chính là, quy định hoặc phát tán virus máy tính, phần mềm gây hại hoặc vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật Công nghệ thông tin.

2. Thông tin quảng cáo, tin nhắn quảng cáo vi phạm các nguyên tắc gửi thông tin quảng cáo, tin nhắn quảng cáo tại các Điều 7, Điều 9 và Điều 13 Nghị định này.

### **Điều 6. Các hành vi nghiêm cấm**

1. Gửi thư rác.
2. Làm sai lệch thông tin tiêu dùng của thông tin, tin nhắn nhậm mục đích gửi thư rác.
3. Tạo điều kiện, cho phép sử dụng phương tiện internet thuộc quyền của mình gửi, chuyển tiếp thư rác.
4. Trao đổi, mua bán hoặc phát tán các phần mềm thu thập địa chỉ internet hoặc quy định các phần mềm thu thập địa chỉ internet.
5. Sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ internet khi không có phép của người sử dụng địa chỉ internet đó.
6. Trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ internet hoặc quy định danh sách địa chỉ internet nhậm mục đích gửi thư rác.
7. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **GỬI THƯ ĐIỆN TỬ QUẢNG CÁO, TIN NHẮN QUẢNG CÁO**

#### **Mục 1**

#### **CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG**

#### **Điều 7. Nguyên tắc gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo**

1. Tổ chức, cá nhân gửi thư nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo chỉ có phép gửi thông tin quảng cáo, tin nhắn quảng cáo khi có sự đồng ý trước của người nhận.
2. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo chỉ có phép gửi thông tin quảng cáo, tin nhắn quảng cáo cho người nhận khi người nhận chấp thuận việc tiếp nhận thông tin quảng cáo, tin nhắn quảng cáo.

3. Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu chuyển đổi, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải chi trả các chi phí liên quan đến việc chuyển đổi hoặc in ấn các tài liệu quảng cáo hay tài liệu quảng cáo đã được in ấn chi trả có thể tăng hoặc giảm.

4. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo chỉ được phép gửi tin nhắn quảng cáo tới khách hàng có các thông tin kỹ thuật đã đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không được phép gửi quá 5 tin nhắn quảng cáo tới một khách hàng trong vòng 24 giờ trừ trường hợp đã có tho thu n khác v i ng i nh n.

6. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không được phép gửi quá 05 tin nhắn quảng cáo tới một số điện thoại trong vòng 24 giờ và chỉ được phép gửi trong khoảng thời gian từ 7 giờ đến 22 giờ mỗi ngày trừ trường hợp đã có tho thu n khác v i ng i nh n.

### **Điều 8. Nguyên tắc thu thập, sử dụng địa chỉ điện tử cho mục đích quảng cáo**

1. Chỉ được thu thập địa chỉ tin nhắn cho mục đích quảng cáo khi có sự đồng ý của người sử dụng thiết bị.
2. Phải nêu rõ mục đích, phạm vi sử dụng khi tiến hành thu thập địa chỉ tin nhắn.
3. Phải sử dụng địa chỉ tin nhắn theo đúng mục đích, phạm vi đã được đồng ý của người sử dụng thiết bị cho phép.

## **Mục 2 THƯ ĐIỆN TỬ QUẢNG CÁO**

### **Điều 9. Yêu cầu đối với thư điện tử quảng cáo**

1. Chỉ được gửi phù hợp với nội dung và nội dung quảng cáo phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về quảng cáo.
2. Tin nhắn quảng cáo phải có nhãn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.
3. Có thông tin về người quảng cáo theo quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

4. Trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo phải có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại các khoản 2 và khoản 3 của Điều 11 Nghị định này.

5. Có chế độ phạt theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

#### **Điều 10. Quy định về việc gắn nhãn thư điện tử quảng cáo**

1. Mọi thư điện tử quảng cáo phải gắn nhãn.

2. Nhãn có vị trí ưu tiên trong phần chữ.

3. Nhãn có dạng như sau:

a) [QC] hoặc [ADV] đi với từ chỉ tính chất quảng cáo;

b) [QC Mã số quản lý] hoặc [ADV Mã số quản lý] đi với từ chỉ tính chất nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo. Mã số quản lý có nghĩa theo khoản 14 của Điều 3 Nghị định này.

#### **Điều 11. Quy định về thông tin của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo và người quảng cáo bằng thư điện tử**

1. Thông tin về người quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ email, địa chỉ và địa trang tin tức (nếu có).

2. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ email, địa trang tin tức, mã số quản lý, mã số đăng ký (nếu có).

3. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo và người quảng cáo bằng thư điện tử phải thể hiện một cách rõ ràng và minh bạch trên địa chỉ cho phép người nhận thư điện tử quảng cáo.

#### **Điều 12. Quy định về chức năng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo**

1. Phần thông tin cho phép người nhận thư điện tử quảng cáo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tất cả từ chỉ tính chất quảng cáo và thể hiện rõ ràng, dễ hiểu bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Phải có phần khuyến nghị nhận có quy định chi tiết sản phẩm quảng cáo. Trong trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo, phải có phần khuyến nghị nhận có quy định chi tiết sản phẩm quảng cáo từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

c) Trong trường hợp cần thiết, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng phương tiện có thể cung cấp kênh quảng cáo chi bổ sung như thể chi mới sản phẩm hoặc thể chi mới nhóm sản phẩm;

d) Có hình thức đơn rõ ràng về các chi phí theo các item và item có khoản 1 và các hình thức chi theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Hình thức thể chi như thể chi trong quảng cáo phải bao gồm:

a) Thể chi qua trang thông tin điện tử;

b) Thể chi bằng thể chi điện tử;

c) Thể chi qua in ấn.

3. Ngay khi nhận được yêu cầu thể chi, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận về nhà cung cấp yêu cầu thể chi và trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu thể chi để thể chi và trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu thể chi để thể chi và trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu thể chi để thể chi.

4. Thông tin xác nhận về nhà cung cấp yêu cầu:

a) Có phản ánh về nhà cung cấp yêu cầu thể chi, thời gian nhận yêu cầu thể chi và thời hạn quảng cáo thể chi;

b) Chi phí thành công mới và không chi phí thông tin quảng cáo.

5. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải trừ các chi phí phát sinh liên quan tới việc sử dụng kênh quảng cáo thể chi.

### **Mục 3** **TIN NHẮN QUẢNG CÁO**

#### **Điều 13. Yêu cầu đối với tin nhắn quảng cáo**

1. Tin nhắn quảng cáo phải tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo phải có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

3. Có kênh quảng cáo thể chi theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

#### **Điều 14. Quy định về việc gắn nhãn tin nhắn quảng cáo**

1. Mọi tin nhắn quảng cáo phải gắn nhãn.

2. Nhãn có nội dung ưu tiên trong phần nội dung tin nhắn.

3. Nhãn có dạng như sau:

a) [QC] hoặc [ADV] nội dung tin nhắn có nội dung quảng cáo;

b) [QC Mã số quốc gia] hoặc [ADV Mã số quốc gia] nội dung tin nhắn có nội dung nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo. Mã số quốc gia có thể khác theo khoản 14 điều 3 Nghị định này.

### **Điều 15. Quy định về thông tin của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn**

1. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn là mã số quốc gia, mã số nội dung (nếu có).

2. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn có thể trong phần nhãn theo quy định tại khoản 3 điều 14 Nghị định này.

### **Điều 16. Quy định về chức năng từ chối nhận tin nhắn quảng cáo**

1. Phần thông tin cho phép người nhận tin nhắn tin nhắn quảng cáo phải áp dụng các điều kiện sau:

a) Nội dung tin nhắn quảng cáo và nội dung hiển thị rõ ràng bằng tiếng Việt;

b) Phải có phần khung nội dung tin nhắn có quy định chi tiết số nội dung tin nhắn quảng cáo. Trong trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo, phải có phần khung nội dung tin nhắn có quy định chi tiết số nội dung tin nhắn quảng cáo của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

c) Trong trường hợp cần thiết, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn có thể cung cấp kênh ngắt chặn bổ sung như tắt chuông điện thoại hoặc tắt chuông nhóm số;

d) Có hình thức hiển thị rõ ràng về các chi phí theo các mức và mức phí khoản 1 và các hình thức chi phí theo quy định tại khoản 2 điều này.

2. Hình thức tắt chặn tin nhắn quảng cáo phải bao gồm:

a) Tắt chuông tin nhắn;

b) Tắt chuông điện thoại.

3. Ngay khi người nhận yêu cầu tắt chặn, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận yêu cầu tắt chặn.

chỉ và trong vòng 24 giờ phải chấm dứt việc gọi tin nhắn quảng cáo bất chấp những nỗ lực trả lời bất kỳ kháng.

4. Thông tin xác nhận m b o các yêu cầu:

a) Thông báo ảnh hưởng yêu cầu thực hiện, thời gian nhận yêu cầu thực hiện và thời hạn ngừng gọi tin nhắn quảng cáo;

b) Chứng cứ thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

5. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải trả các chi phí phát sinh liên quan tới việc sử dụng các công nghệ hiện tại.

### **Chương III TRAO ĐỔI THƯ ĐIỆN TỬ, TIN NHẮN**

#### **Mục 1 TRAO ĐỔI THƯ ĐIỆN TỬ**

**Điều 17. Tổ chức, cá nhân gửi thư điện tử và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử**

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quy định nội quy về nhu cầu của mình phù hợp với các quy định của pháp luật này và các quy định khác liên quan.

2. Trả lời những yêu cầu nhận tin nhắn quảng cáo, tổ chức, cá nhân gửi tin nhắn quảng cáo phải tuân theo quy định của pháp luật này.

3. Khi sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, người quảng cáo chỉ có thể sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quốc gia.

**Điều 18. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử**

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn phải áp dụng các điều kiện sau:

a) Có trang thông tin nội dung máy chủ dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo tới Việt Nam và sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

b) Có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu thực hiện của người nhận tuân theo quy định của pháp luật này;

c) Là của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quốc gia.

2. Quy trình, thủ tục cấp mã số quốc lý:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Hồ sơ đăng ký phải ghi rõ các thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tiếng Việt, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu và tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1 và 18 của Nghị định này. Đơn đăng ký theo mẫu (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp phí đăng ký;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ nộp, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp đăng ký; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải lập biên bản và nêu rõ lý do.

3. Khi thay đổi hình thức đăng ký tiếng Việt quảng cáo phi thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Lưu lại thông tin và yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

5. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phù hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp ngăn ngừa khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 19. Nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử**

1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống thư điện tử rác.

2. Cung cấp công cụ người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư điện tử quảng cáo ngay từ máy chủ nhận thư.

3. Có biện pháp tránh mất mát và ngăn chặn sai lệch tiếng tin cậy người sử dụng dịch vụ.

4. Cung cấp miễn phí công cụ tìm kiếm và xử lý các thông báo về thư điện tử rác tin cậy người sử dụng.

5. Cung cấp thông tin liên quan tình trạng hệ thống máy chủ thư điện tử theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thư điện tử rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Không cung cấp dịch vụ thanh toán cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thanh toán mà chỉ áp dụng Thông tin và Truy cập mã số quản lý.

8. Thời hạn tiêu thụ thanh toán trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

9. Báo cáo, thống kê khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Phân phối vì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet**

1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống thanh toán rác.

2. Cung cấp miễn phí dịch vụ tiếp nhận và xử lý các thông báo về thanh toán rác từ người sử dụng.

3. Cung cấp thông tin và ngăn chặn các nguồn phát tán thanh toán rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phân phối vì các nhà cung cấp dịch vụ Internet trong nước và quốc tế hạn chế thanh toán rác.

5. Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thanh toán rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phân phối vì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Người sử dụng thư điện tử**

1. Tuân thủ các quy định về gửi thanh toán tin nhắn này.

2. Cung cấp thông tin về thanh toán rác cho nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, nhà cung cấp dịch vụ Internet, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phân phối vì cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chống thanh toán rác.

## **Mục 2 TRAO ĐỔI TIN NHẮN**

**Điều 22. Tổ chức, cá nhân gửi tin nhắn và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn.**

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quy định tin nhắn phải tuân thủ quy định của mình phù hợp với các quy định của Nghị định này và các quy định khác liên quan.

2. Trường hợp người nhận không ý kiến tin nhắn quảng cáo, tổ chức, cá nhân gửi tin nhắn quảng cáo phải tuân theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

3. Khi sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, người quảng cáo chỉ được phép sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quốc gia.

### **Điều 23. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn**

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Sử dụng số thuê bao gửi tin nhắn quảng cáo do nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn Việt Nam cung cấp;

b) Có hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu khiếu nại của người nhận theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quốc gia.

2. Quy trình, thủ tục cấp mã số quốc gia:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Hồ sơ đăng ký phải ghi rõ các thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu và vị trí quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 23 của Nghị định này. Đơn đăng ký theo mẫu (Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp lệ phí đăng ký;

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp mã số quốc gia; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Khi thay đổi hình thức gửi tin nhắn quảng cáo phải thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Lệ phí thông tin và yêu cầu khiếu nại và thông tin xác nhận yêu cầu khiếu nại trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

5. Báo cáo, thống kê theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phải hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 24. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn**

1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống tin nhắn rác.
2. Cung cấp miễn phí công cụ tiếp nhận và xử lý các thông báo về tin nhắn rác từ người sử dụng.
3. Cung cấp thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống nhận tin theo yêu cầu của các quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tin nhắn rác theo yêu cầu của các quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Không được cung cấp dịch vụ tin nhắn cho các nhà cung cấp dịch vụ quáng cáo mà chỉ được B Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.
6. Có biện pháp giám sát lắng nghe, tác động và tận dụng những tin tức mới từ người sử dụng dịch vụ.
7. Có biện pháp phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn trong và ngoài nước nhằm ngăn chặn tin nhắn rác.
8. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của các quan nhà nước có thẩm quyền.
9. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp ngăn ngừa khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 25. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet**

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - a) Có trang thông tin internet sử dụng tên miền .vn và máy chủ dịch vụ gửi tin nhắn đặt tại Việt Nam;
  - b) Có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chủ nhắn tin nhắn tin tức thời hoặc nhúng người sử dụng dịch vụ;
  - c) Đã được B Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.
2. Quy trình, thủ tục cấp mã số quản lý:
  - a) Tổ chức, cá nhân đăng ký nộp hồ sơ đăng ký tại B Thông tin và Truyền thông;

b) H s ng ký ph i th hi n y các thông tin v t ch c, cá nhân cung c p d ch v tin nh n qua m ng Internet, thông tin k thu t phù h p v i yêu c u v i u ki n quy nh t i các kho n l i u này. n ng ký theo m u (Ph l c III) ban hành kèm theo Ngh nh này;

c) T ch c, cá nhân ng ký ph i n p l phí ng ký;

d) Trong th i h n 15 ngày k t ngày nh n c h s h p l , B Thông tin và Truy n thông có trách nhi m c p ng ký. Tr ng h p t ch i, B Thông tin và Truy n thông ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

3. Cung c p mi n phí c ch ti p nh n và x lý các thông báo v tin nh n rác t ng i s d ng.

4. Có bi n pháp gi i h n s l ng, t c và t n su t nh n tin t m t ng i s d ng d ch v .

5. Th c hi n các bi n pháp nh m ng n ch n tin nh n rác theo yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n.

6. Báo cáo, th ng kê nh k theo quy nh c a c quan nhà n c có th m quy n.

7. Ph i h p v i các c quan nhà n c có th m quy n th c hi n các bi n pháp nghi p v khác theo quy nh c a pháp lu t.

### **Điều 26. Người sử dụng tin nhắn**

1. Tuân th các quy nh v g i tin nh n t i Ngh nh này.

2. Cung c p thông tin v tin nh n rác cho nhà cung c p d ch v tin nh n, nhà cung c p d ch v tin nh n qua Internet, c quan nhà n c có th m quy n.

3. Ph i h p v i c quan nhà n c có th m quy n trong vi c ch ng th rác.

## **Chương IV KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 27. Giải quyết tranh chấp**

Tranh ch p gi a các bên trong vi c cung c p và s d ng d ch v qu ng cáo b ng th i n t , tin nh n cho công c ng c gi i quy t trên c s h p ng gi a các bên và các quy nh c a pháp lu t liên quan.

### **Điều 28. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đi nháp pháp của họ có quyền khiếu nại và yêu cầu giải quyết như sau: pháp luật có thẩm quyền. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại các quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt.

2. Công dân có quyền tố cáo việc quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền vi phạm hành chính theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Công dân có quyền tố cáo việc quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền vi phạm trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và xử phạt.

4. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; khi tiến hành chính thức thì theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 29. Bồi thường thiệt hại**

1. Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường.

2. Mức bồi thường thiệt hại do bên gây thiệt hại và bị thiệt hại thỏa thuận, thỏa thuận trên cơ sở nguyên tắc do pháp luật quy định. Trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức bồi thường sẽ được tính theo Quy định của Tòa án.

### **Điều 30. Thanh tra, kiểm tra**

1. Các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng phương tiện tin tức, tin nhắn chủ yếu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc thanh tra các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo bằng phương tiện tin tức, tin nhắn sẽ tiến hành theo quy định của pháp luật về thanh tra.

### **Điều 31. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thư rác của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông**

1. Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

- a) Ph t c nh cáo;
  - b) Ph t ti n n 500.000 ng;
  - c) T ch thu tang v t, ph ng ti n c s d ng vi ph m hành chính có giá tr n 2.000.000 ng;
  - d) Áp d ng các bi n pháp kh c ph c h u qu theo quy nh t i kho n 3, kho n 4 i u 43 Ngh nh này;
- ) Th c hi n các quy n quy nh t i m c 2 kho n 19 i u 1 Pháp l nh s 44/2008/UBTVQH12 s a i, b sung m t s i u c a Pháp l nh X lý vi ph m hành chính n m 2002.

2. Chánh Thanh tra chuyên ngành thông tin và truy n thông c p S có th m quy n:

- a) Ph t c nh cáo;
  - b) Ph t ti n n 30.000.000 ng;
  - c) T ch thu tang v t, ph ng ti n c s d ng vi ph m hành chính;
  - d) Áp d ng các bi n pháp kh c ph c h u qu theo quy nh t i kho n 1, kho n 3, kho n 4, kho n 5 i u 43 Ngh nh này;
- ) Th c hi n các quy n quy nh t i m c 1 kho n 19 i u 1 Pháp l nh s 44/2008/UBTVQH12 s a i, b sung m t s i u c a Pháp l nh X lý vi ph m hành chính n m 2002.

3. Chánh Thanh tra B Thông tin và Truy n thông có th m quy n:

- a) Ph t c nh cáo;
  - b) Ph t ti n n 100.000.000 ng;
  - c) T ch thu tang v t, ph ng ti n c s d ng vi ph m hành chính;
  - d) Áp d ng các bi n pháp kh c ph c h u qu theo quy nh t i kho n 1, kho n 2, kho n 3, kho n 4, kho n 5 kho n 6 i u 43 Ngh nh này;
- ) Th c hi n các quy n quy nh t i m c 1 kho n 19 i u 1 Pháp l nh s 44/2008/UBTVQH12 s a i, b sung m t s i u c a Pháp l nh X lý vi ph m hành chính n m 2002.

### **Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành khác**

Trong ph m vi th m quy n qu n lý nhà n c c Chính ph quy nh, Thanh tra viên và Chánh Thanh tra các c quan thanh tra chuyên ngành khác có

th m quy n x ph t i v i hành vi vi ph m hành chính v th rác theo quy nh c a pháp lu t.

### **Điều 33. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp**

Ch t ch y ban nhân dân các c p trong ph m vi a bàn do mình qu n lý có quy n x ph t i v i các hành vi vi ph m hành chính v th rác c quy nh t i Ngh nh này theo th m quy n quy nh t i i u 30 Pháp l nh X lý vi ph m hành chính n m 2002; kho n 4, kho n 5 i u 1 Pháp l nh s 44/2008/UBTVQH12 s a i, b sung m ts i u c a Pháp l nh X lý vi ph m hành chính n m 2002.

### **Điều 34. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thư điện tử, tin nhắn**

1. Ph t c nh cáo ho c ph t ti n t 100.000 ng n 200.000 ng i v i hành vi:

a) Không nêu rõ m c ích, ph m vi s d ng khi ti n hành thu th p a ch i n t ;

b) Ng i s d ng d ch v th i n t , tin nh n, tin nh n qua m ng Internet không ph i h p v i c quan nhà n c có th m quy n trong vi c ch ng th rác.

2. Ph t ti n t 200.000 ng n 500.000 ng i v i hành vi thu th p a ch i n t cho m c ích qu ng cáo không c s ng ý c a ng i s h u a ch ó.

3. Ph t ti n t 1.000.000 ng n 2.000.000 ng i v i hành vi:

a) S d ng a ch th i n t ã thu th p không úng m c ích, ph m vi ã c ng i s h u a ch ó cho phép;

b) Làm sai l ch thông tin tiêu c a th i n t , tin nh n.

4. Ph t ti n t 5.000.000 ng n 10.000.000 ng i v i hành vi t o i u ki n, cho phép ng i khác s d ng ph ng ti n i n t thu c quy n c a mình g i, chuy n ti p th rác.

5. Ph t ti n t 20.000.000 ng n 40.000.000 ng i v i hành vi:

a) Trao i, mua bán ho c phát tán các ph n m m thu th p a ch i n t ho c quy n s d ng các ph n m m thu th p a ch i n t ;

b) S d ng các ph n m m thu th p a ch i n t thu th p a ch i n t khi không c phép c a ng i s h u a ch ó;

c) Trao đổi, mua bán danh sách khách hàng có quy định danh sách khách hàng nhằm mục đích gì khác.

**Điều 35. Vi phạm các quy định về gắn nhãn, đặt nhãn**

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi:

1. Gắn nhãn theo quy định không đúng hoặc không theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều 10 Nghị định này;
2. Gắn nhãn tin nhắn quảng cáo không đúng hoặc không theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều 14 Nghị định này.

**Điều 36. Vi phạm các quy định về chức năng từ chối nhận thông tin quảng cáo**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Khách hàng theo quy định quảng cáo không có phần thông tin cho phép người nhận tin nhắn theo quy định hoặc có phần thông tin cho phép người nhận tin nhắn theo quy định nhưng không áp dụng các điều kiện quy định tại khoản 1 điều 12 Nghị định này;

b) Gửi tin nhắn quảng cáo không có phần thông tin cho phép người nhận tin nhắn theo quy định hoặc có phần thông tin cho phép người nhận tin nhắn theo quy định nhưng không áp dụng các điều kiện quy định tại khoản 1 điều 16 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không có ý các hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu chỉ theo quy định tại khoản 2 điều 16 Nghị định này;

b) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không có ý các hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu chỉ theo quy định tại khoản 2 điều 12 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn mà không có hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu chỉ có ảnh hưởng;

b) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn mà không có hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu chỉ có ảnh hưởng;

c) Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet mà không có hình thức gửi tin nhắn, xử lý yêu cầu thắc mắc online.

**Điều 37. Vi phạm các quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng chống thư rác.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Không lưu lại phần tiêu đề gửi tin trong thời gian tối thiểu 60 ngày;

b) Không lưu lại thông tin về yêu cầu gửi và thông tin xác nhận yêu cầu gửi tin trong thời gian tối thiểu 60 ngày.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Không cung cấp công cụ người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư gửi tin quảng cáo ngay tại máy chủ nhận tin;

b) Không cung cấp miễn phí dịch vụ tư vấn và xử lý thông báo về thư rác;

c) Không có biện pháp tránh mất mát và ngăn chặn sai lệch nội dung người sử dụng dịch vụ;

d) Không phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ Internet, nhà cung cấp dịch vụ nhắn tin trong và ngoài nước liên kết thư rác;

e) Không gửi thông tin xác nhận nhận yêu cầu gửi tin tức có thể gửi tin hoặc gửi tin nhắn quảng cáo trong vòng 24 giờ;

f) Gửi thông tin xác nhận nhận yêu cầu gửi tin tức quảng cáo không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này;

g) Gửi thông tin xác nhận nhận yêu cầu gửi tin nhắn quảng cáo không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này;

h) Không có biện pháp giám sát, kiểm soát và tận dụng tin tức gửi tin tức người sử dụng dịch vụ.

**Điều 38. Vi phạm các quy định về gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Gửi tin tức quảng cáo có nội dung không phù hợp với nội dung;

b) Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo trong thị trường quảng cáo không tuân thủ khoản 3 điều 11 Nghị định này.

2. Phạm vi từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng hành vi:

a) Người thị trường quảng cáo không có hoặc không yêu cầu thông tin về người quảng cáo theo quy định tại khoản 1 điều 11 Nghị định này;

b) Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo người thị trường quảng cáo không có hoặc không có yêu cầu thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại khoản 2 điều 11 Nghị định này;

c) Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo người tin nhắn quảng cáo không có thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc có thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo nhưng không tuân thủ quy định tại điều 15 Nghị định này;

d) Không chấp hành các quy định về thời gian quảng cáo, tin nhắn quảng cáo bất chấp trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu chấp hành quy định.

3. Phạm vi từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng hành vi:

a) Gửi quá 05 thị trường quảng cáo không mã số qua các thị trường trong 24 giờ, trừ trường hợp có thể thu nhận khác quy định;

b) Gửi quá 05 tin nhắn quảng cáo thời gian thuê bao trong vòng 24 giờ/ngày hoặc gửi tin nhắn quảng cáo ngoài khung giờ từ 7 giờ đến 22 giờ hàng ngày, trừ trường hợp có thể thu nhận khác quy định;

c) Gửi tin nhắn quảng cáo, thị trường quảng cáo, tin nhắn qua mạng Internet có mã số quy định không đúng mã số quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

4. Phạm vi từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng áp dụng hành vi:

a) Không phải nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo mà vẫn gửi thị trường quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo khi chưa có sự đồng ý của người nhận;

b) Người thị trường hoặc tin nhắn quảng cáo không có các thông số kỹ thuật chấp hành ký với Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Người thị trường quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo không có nhãn.

### **Điều 39. Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ**

1. Phạm vi từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng hành vi:

a) Sử dụng máy chủ dịch vụ ghi thông tin đăng ký không sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

b) Cung cấp dịch vụ ghi thông tin đăng ký, dịch vụ nhận tin qua mạng Internet mà không có trang thông tin internet sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

2. Phạm vi từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng áp dụng hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ đăng ký thông tin hoặc tin nhắn khi chưa cấp mã số quốc lý;

b) Cung cấp dịch vụ nhận tin qua mạng Internet khi chưa cấp mã số quốc lý;

c) Cung cấp dịch vụ thông tin, tin nhắn, nhận tin qua mạng Internet cho các nhà cung cấp dịch vụ đăng ký các dịch vụ Thông tin và Truy cập thông tin cấp mã số quốc lý.

3. Phạm vi từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng áp dụng hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ đăng ký thông tin mà máy chủ ghi thông tin đăng ký không đặt tại Việt Nam;

b) Cung cấp dịch vụ nhận tin qua mạng Internet có máy chủ dịch vụ ghi tin nhắn không đặt tại Việt Nam;

c) Cung cấp dịch vụ đăng ký thông tin mà không sử dụng số thuê bao ghi tin nhắn đăng ký do nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn Việt Nam cấp.

#### **Điều 40. Vi phạm các quy định về giá cước, phí, lệ phí**

1. Phạm vi từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng hành vi không trả chi phí liên quan đến việc cung cấp dịch vụ cho người dùng.

2. Áp dụng hành vi vi phạm trong lĩnh vực giá cước dịch vụ đăng ký thông tin, tin nhắn áp dụng theo quy định của Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

3. Áp dụng hành vi vi phạm về phí, lệ phí trong hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký thông tin, tin nhắn áp dụng theo quy định của Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

**Điều 41. Vi phạm các quy định về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và thanh tra, kiểm tra**

1. Ph t ti n t 500.000 ng n 2.000.000 ng i v i hành vi:

a) Không ch p hành vi c thanh tra, ki m tra c a các c quan nhà n c có th m quy n;

b) Vi ph m các ch báo cáo theo quy nh.

2. Ph t ti n t 5.000.000 ng n 10.000.000 ng i v i hành vi:

a) Thay i h th ng g i tin nh n qu ng cáo ho c th i n t qu ng cáo mà không thông báo tr c v i B Thông tin và Truy n thông;

b) Cung c p không y thông tin ho c không ng n ch n các ngu n phát tán th rác theo yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n;

c) Cung c p không y thông tin liên quan n tình tr ng h th ng máy ch th i n t , tin nh n theo yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n.

3. Ph t ti n t 10.000.000 ng n 20.000.000 ng i v i hành vi không cung c p thông tin ho c cung c p thông tin sai s th t cho c quan nhà n c có th m quy n khi c yêu c u.

**Điều 42. Vi phạm các quy định về an toàn, an ninh thông tin**

1. Ph t ti n t 2.000.000 ng n 5.000.000 ng i v i hành vi không ph i h p v i c quan nhà n c có th m quy n th c hi n các bi n pháp nghi p v theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ph t ti n t 10.000.000 ng n 20.000.000 ng i v i hành vi không th c hi n các bi n pháp nh m h n ch , ng n ch n th rác theo yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n.

**Điều 43. Xử phạt bổ sung, khắc phục hậu quả**

Ngoài các hình th c x ph t chính, tùy theo tính ch t, m c vi ph m mà t ch c, cá nhân còn có th b áp d ng m t hay nhi u hình th c x ph t b sung ho c bi n pháp kh c ph c h u qu sau:

1. T ch thu tang v t, ph ng ti n c s d ng vi ph m hành chính quy

nh t i kho n 4, kho n 5 i u 34; kho n 3 i u 36; kho n 4 i u 38; kho n 2, kho n 3 i u 39 Ngh nh này.

2. Thu h i mã s qu n lý i v i các hành vi vi ph m quy nh t i i u 35; i m c kho n 3, i m c kho n 4 i u 38 Ngh nh này.

3. Bu c th c hi n úng các quy nh c a Nhà n c i v i các vi ph m t i i u 34; i u 35; i u 36; i u 37; i u 38; i u 39; i u 41; i u 42 Ngh nh này.

4. Bu c hoàn tr kinh phí chi m đ ng, thu sai do vi ph m hành chính gây ra i v i hành vi quy nh t i kho n 1 i u 40 Ngh nh này.

5. T m ình ch t m t tháng n ba tháng ho c ình ch v nh vi n ho t ng qu ng cáo b ng th i n t , tin nh n i v i hành vi vi ph m quy nh t i i m a, b kho n 1, kho n 2, kho n 3 i u 36; kho n 3, kho n 4 i u 38; i u 39 Ngh nh này.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 44. Hiệu lực thi hành**

Ngh nh này có hi u l c thi hành sau 15 ngày, k t ngày ng Công báo.

#### **Điều 45. Tổ chức thực hiện**

B Thông tin và Truy n thông trong ph m vi ch c n ng, quy n h n c a mình có trách nhi m h ãng đ n thi hành Ngh nh này.

#### **Điều 46. Trách nhiệm thi hành**

Các B tr ng, Th tr ng c quan ngang B , Th tr ng c quan thu c Chính ph , Ch t ch y ban nhân dân các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng ch u trách nhi m thi hành Ngh nh này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BC TW và phòng, chuyên tham mưu;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban chấp hành Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT B Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Văn phòng, Văn phòng trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). A.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**Phụ lục I**  
**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ QUẢN LÝ**  
(Dành cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử)  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008  
của Chính phủ)

**1. Thông tin về tổ chức**

- Tên doanh nghiệp: .....
- Tên viết tắt: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy phép kinh doanh số: .....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....
- Email: .....
- Website:.....

**2. Thông tin kỹ thuật**

- Tên miền của các máy chủ gửi thư quảng cáo (mail server): .....
- Địa chỉ IP của các máy chủ gửi thư quảng cáo: .....
- Các địa chỉ Internet dùng gửi thư Internet quảng cáo (from): .....
- Địa chỉ URL chính: .....
- Địa chỉ email chính: .....
- Số điện thoại chính: .....

**3. Đầu mối liên hệ xử lý thư rác**

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số điện thoại/Fax: .....
- Email: .....

**Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về  
quảng cáo bằng thư điện tử.**

....., ngày      tháng      n m  
**Xác nhận của chủ thể đăng ký**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục II**  
**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ QUẢN LÝ**  
(Dành cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn)  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008  
của Chính phủ)

**1. Thông tin về tổ chức**

- Tên doanh nghiệp: .....
- Tên viết tắt: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy phép kinh doanh số: .....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....
- Email: .....
- Website: .....

**2. Thông tin kỹ thuật**

- Các số thuê bao gửi tin nhắn quảng cáo (mail server): .....
- .....
- Số thuê bao nhận tin nhắn: .....
- Số điện thoại tích hợp: .....

**3. Đầu mối liên hệ xử lý thư rác**

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số điện thoại/Fax: .....
- Email: .....

**Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo bằng thư điện tử.**

....., ngày      tháng      năm  
**Xác nhận của chủ thể đăng ký**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục III**  
**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ QUẢN LÝ**

(Dành cho nhà cung cấp dịch vụ nh n tin qua m ng Internet)  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008  
của Chính phủ)

**1. Thông tin về tổ chức**

- Tên doanh nghiệp: .....
- Tên viết tắt: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy phép kinh doanh số: .....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....
- Email: .....
- Website: .....

**2. Thông tin kỹ thuật**

- Tên miền của các website ghi tin nh n: .....
- .....
- Địa chỉ IP của các máy chủ ghi tin nh n: .....
- .....
- Mô tả hình thức tiếp nhận và xử lý yêu cầu khách hàng: .....
- .....

**3. Đầu mối liên hệ xử lý thư rác**

- Họ và tên:.....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Điện thoại/Fax: .....
- Email: .....

**Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo  
bằng thư điện tử.**

....., ngày tháng năm  
**Xác nhận của chủ thể đăng ký**  
(Ký tên, đóng dấu)